

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-4-2020
“*V/v Tranh chấp ly
hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lượng và ông Nguyễn Hoài Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1984 - có mặt

Địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1989 – có mặt

Địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị T và anh B chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 17-8-2010, tại Ấ Đ, huyện Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; việc kết hôn là tự nguyện. Thời gian

đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện nay hai người đã sống ly thân, không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thái B

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kiều T, sinh ngày 18-10-2010 hiện đang ở cùng chị, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng. Yêu cầu anh B cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, từ tháng 5/2020.

Về tài sản chung: Chị T khai không có và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thái B trình bày:

Anh B cơ bản thống nhất với ý kiến của chị T về xác lập quan hệ hôn nhân và con chung. Anh B cho rằng thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do anh ham chơi không lo lắng cho vợ con. Anh đã nhận thấy khuyết điểm của mình và hiện nay đã khắc phục. Đối với yêu cầu của chị T về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị T, mâu thuẫn giữa anh và chị T chưa đến mức trầm trọng, anh đã nhận thấy khuyết điểm và cam kết sẽ sửa đổi. Trường hợp tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Kiều T không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh B đồng ý giao con cho chị T nuôi và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh B; ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao con chung để chị T nuôi và anh B phải cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng; tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Thái B, đồng thời, chị T và anh B có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"; anh B có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện

Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17-8-2010, tại ã Đ, huyện Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân do anh B ham chơi không quan tâm chăm sóc gia đình; quá trình giải quyết vụ án anh B cho rằng đã nhận ra khuyết điểm và hứa sẽ sửa đổi. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh B.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kiều T sinh ngày 18-10-2010, hiện đang ở với chị T. Tại phiên tòa anh B đồng ý giao con cho chị T nuôi và cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng từ tháng 5/2020 nên cần ghi nhận và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tiên.

[2.3]. Về tài sản chung: Đương sự khai không có và cam đoan không có nợ chung, không yêu cầu nên không đề cập.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh B phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thái B

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kiều T sinh ngày 18-10-2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thái B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000499 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Anh Nguyễn Thái Bình phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Hồng Nhung

